

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2025/DS-ST
Ngày 22-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản, hợp đồng mượn tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Tân; ông Trần Ngọc Toàn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Yên Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng mượn tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2025/QĐST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S Có Ngay.

Trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K - Giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901807716, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/3/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Phương D, sinh năm 1985 (theo giấy ủy quyền số 1985/2024/UQ-SVN, ngày 26/11/2024).

Địa chỉ liên hệ: số A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.
(có đơn xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1971;

Cư trú: số A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn do bà Cao Phương D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/08/2023, ông Nguyễn Phước T và Công ty TNHH S1 - chi nhánh L (nay là Công ty cổ phần S Có Ngay, gọi tắt là Công ty) thỏa thuận ký hợp đồng cầm cố số LXM230801008NA14X. Theo hợp đồng, ông T cầm cố cho Công ty A xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại Airblade F1, biển số xe 67B1-522.44, số khung RLHJF4618EY025831, số máy: JF46E2036764 theo giấy chứng nhận đăng ký số 123521 do Công an tỉnh A cấp ngày 19/11/2019 mang tên ông Nguyễn Phước T, số tiền cầm cố: 7.700.000 đồng, thời gian cầm cố 12 tháng, mục đích cầm cố là để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân là ngày 16/08/2023. Lãi suất cầm cố và các khoản phí như sau: Lãi suất cầm cố bằng 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng; phí phạt nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố tài sản số LXM230801008NA14X ký ngày 16/08/2023, ông T đã thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe được nêu trên. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ số đăng ký giao dịch số: 1521802626.

Cùng ngày 16/08/2023, ông T và Công ty TNHH S1 - chi nhánh L còn thỏa thuận ký hợp đồng mượn tài sản đối với xe mô tô đã cầm cố nêu trên. Theo hợp đồng, Công ty cho ông T mượn xe, thời hạn mượn là 30 ngày (từ ngày 16/08/2023 đến ngày 16/9/2023), phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 231.000 đồng/tháng, nếu khách hàng thanh toán đúng hạn thì phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 154.000 đồng/tháng. Ông T đã nhận xe từ hợp đồng mượn tài sản, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả xe khi hết thời hạn của hợp đồng, không bàn giao tài sản cho công ty.

Ngay sau khi ký hợp đồng thì Công ty đã giải ngân cho ông T số tiền 7.700.000 đồng. Tính đến ngày 21/10/2024 ông T chỉ thanh toán số tiền 1.735.000 đồng, bao gồm tiền gốc, lãi và phí. Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố ông T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn xe, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty, Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông T trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện.

Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu ông Nguyễn Phước T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền tính đến ngày 22/4/2025 là 10.947.752 đồng, trong đó: vốn 6.510.006 đồng, lãi trong hạn 71.680 đồng, lãi quá hạn 1.872.603 đồng, phí mượn xe là 2.310.000 đồng, phí quản lý hồ sơ 183.464 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ngày 22/4/2025, Công ty cổ phần S có văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông T phải trả phí mượn xe và phí quản lý hồ sơ.

Bị đơn ông Nguyễn Phước T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay, buộc ông T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền vốn và lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với yêu cầu ông T trả phí mượn xe và phí quản lý hồ sơ do Công ty rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Phước T tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn xác lập hợp đồng và có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty S2 đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo Phiếu xác minh ngày 13/3/2025 do Công an phường M cung cấp thì ông T cư trú tại số A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng cầm cố số LXM230801008NA14X và giấy mượn xe cùng ngày 16/8/2023 là sự tự nguyện thỏa thuận giao kết giữa các bên có đầy đủ năng lực hành vi pháp luật dân sự, không trái quy định pháp luật dân sự, đạo đức xã hội, phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty yêu cầu ông Nguyễn Phước T có trách nhiệm trả số tiền tính đến ngày 22/4/2025 là 8.375.578 đồng, trong đó: vốn 6.510.006 đồng, lãi trong hạn 71.680 đồng, lãi quá hạn 1.793.832 đồng, là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 357, Điều 499 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Hợp đồng cầm cố số LXM230801008NA14X, ngày 16/8/2023 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh - Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm vào ngày 16/8/2023. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.3] Đối với, việc Công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông T có trách nhiệm trả phí mượn xe là 2.310.000 đồng, phí quản lý hồ sơ 183.464 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 357, Điều 494, Điều 499 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với ông Nguyễn Phước T.

Buộc ông Nguyễn Phước T có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 22/4/2025 là 8.375.578 đồng (Tám triệu, ba trăm bảy

mười lăm nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: vốn 6.510.006 đồng, lãi trong hạn 71.680 đồng, lãi quá hạn 1.793.832 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu ông Nguyễn Phước T phải trả phí mượn xe và phí quản lý hồ sơ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phước T phải chịu 418.776 đồng (Bốn trăm mười tám nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002169, ngày 05/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S Có Ngay và ông Nguyễn Phước T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Tuyết Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Kiên